

BÁO CÁO

Kết quả rà soát hiện trạng và đề xuất định hướng quản lý, phát triển nuôi thủy sản ven sông, ven biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Cà Mau, hoạt động nuôi thủy sản trên các tuyến sông, kênh, rạch, cửa sông và vùng ven biển phát triển ngày càng nhiều, góp phần khai thác hiệu quả diện tích mặt nước tự nhiên, tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện sinh kế cho người dân. Tuy nhiên, phần lớn các khu vực nuôi được hình thành tự phát, chưa được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc cho thuê khu vực mặt nước; chưa được xác định trong quy hoạch, phương án sử dụng mặt nước hoặc các quy hoạch có liên quan; tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến giao thông đường thủy, công trình thủy lợi, môi trường, nguồn lợi thủy sản, quốc phòng, an ninh và gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc rà soát hiện trạng và đề xuất định hướng quản lý, phát triển nuôi thủy sản ven sông, ven biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức rà soát hiện trạng, tổng hợp báo cáo của các địa phương, lấy ý kiến các sở, ngành có liên quan, đánh giá bước đầu điều kiện tự nhiên, hiện trạng sử dụng mặt nước và sự phù hợp với quy định của pháp luật để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chủ trương quản lý, định hướng phát triển hoạt động nuôi thủy sản ven sông, ven biển theo hướng bền vững.

Trên cơ sở kết quả rà soát và ý kiến của các sở, ngành, địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét như sau:

I. KẾT QUẢ RÀ SOÁT TÌNH HÌNH NUÔI THỦY SẢN VEN SÔNG, VEN BIỂN

1. Hiện trạng hoạt động nuôi thủy sản ven sông, ven biển

Qua rà soát, có 20 xã, phường gửi báo cáo về tình hình nuôi thủy sản ven sông, ven biển và đề xuất khu vực phát triển trong thời gian tới. Trong đó, 16 địa phương có phát sinh hoạt động nuôi hoặc có đề xuất phát triển, 04 địa phương không phát sinh hoạt động nuôi hoặc không có đề xuất.

Theo báo cáo của các địa phương, thời gian qua hoạt động nuôi thủy sản ven sông, ven biển trên địa bàn tỉnh phát triển khá nhanh, tập trung chủ yếu trên các tuyến sông, kênh, rạch, cửa biển và vùng ven biển. Đối tượng nuôi chủ yếu gồm hàu, sò huyết, vẹm xanh và một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao như cá bớp, cá mú, cá dứa. Các hình thức nuôi tương đối đa dạng, gồm nuôi lồng bè, bè nổi, dây treo, đăng quảng, quây lưới, nuôi trên bãi bồi ven sông, ven biển và một số mô hình kết hợp khác. Trong đó, nuôi hàu chủ yếu bằng hình thức treo giá thể

trên phao nổi; nuôi sò huyết chủ yếu tận dụng bãi bồi tự nhiên kết hợp quây lưới hoặc đóng cọc bảo vệ khu vực nuôi.

Theo số liệu tổng hợp từ báo cáo của các địa phương, toàn tỉnh hiện có khoảng 921 hộ tham gia nuôi thủy sản ven sông, ven biển, với tổng diện tích mặt nước sử dụng khoảng 1.463.856 m² (*trương đương khoảng 146,4 ha*), phân bố trên khoảng 175 tuyến sông, kênh, rạch và một số khu vực ven biển xung quanh Hòn Đá Bạc (*xã Đá Bạc*). Hoạt động nuôi tập trung chủ yếu tại các địa bàn Tân Thuận (240 hộ), Tạ An Khương (218 hộ), Quách Phẩm (214 hộ), Cái Nước (71 hộ), Phú Mỹ (39 hộ), Thanh Tùng (37 hộ) và Phan Ngọc Hiển (36 hộ). Về quy mô diện tích, lớn nhất là Phú Mỹ khoảng 720.000 m², tiếp theo là Đất Mới 191.140 m², Phan Ngọc Hiển 149.608 m², Quách Phẩm 136.600 m², Tân Thuận 110.480 m² và Tạ An Khương 85.973 m² (*chi tiết tại Phụ lục I*).

Hoạt động nuôi thủy sản ven sông, ven biển trên địa bàn tỉnh chủ yếu tập trung vào hai đối tượng chính là hào và sò huyết. Nuôi hào phân bố tại các khu vực ven biển, cửa sông thuộc các xã Phan Ngọc Hiển, Năm Căn, Đất Mũi và Tân Ân, nơi có điều kiện thủy văn thuận lợi với chiều rộng lòng sông phổ biến khoảng 20 - 120 m; tại các cửa sông lớn như Cửa Lớn, Rạch Gốc, Dinh Hạng có chiều rộng đạt khoảng 120 - 500 m, cá biệt một số đoạn trên 500 m (*khu vực Phan Ngọc Hiển*). Độ sâu khu vực nuôi hào dao động khoảng 2,5 - 12 m, một số tuyến cửa sông lớn đạt trên 12 - 15 m. Sau bố trí nuôi, phần lớn khu vực vẫn cơ bản bảo đảm mặt nước cho giao thông đường thủy và thoát nước tự nhiên.

Trong khi đó, nuôi sò huyết tập trung tại các bãi bồi ven sông, kênh, rạch thuộc các xã Tân Thuận, Tân Tiến, Quách Phẩm, Tạ An Khương, Cái Nước và Phú Mỹ. Chiều rộng lòng sông, kênh dao động phổ biến từ 15 - 60 m, một số tuyến lớn đạt 100 - 300 m như sông Bảy Háp và các tuyến kênh xáng liên xã; độ sâu trung bình khoảng 2,5 - 5 m, phù hợp với hình thức nuôi bãi bồi, đăng quảng và rào lưới. Tuy nhiên, tại các tuyến kênh nhỏ, hẹp (*từ 20 - 40 m*), mật độ nuôi còn cao, cần tiếp tục kiểm soát chặt chẽ quy mô và vị trí bố trí nhằm bảo đảm an toàn giao thông thủy, khả năng tiêu thoát nước và yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái ven sông, ven biển.

Qua rà soát cho thấy, phần lớn các khu vực nuôi thủy sản hiện nay được hình thành theo nhu cầu sản xuất của người dân, chưa được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc cho thuê mặt nước để nuôi trồng thủy sản; đồng thời chưa được xác định cụ thể trong quy hoạch hoặc phương án sử dụng mặt nước theo quy định. Nhiều khu vực nuôi nằm trên các tuyến sông, kênh, rạch do Nhà nước quản lý hoặc trên các bãi bồi ven sông, ven biển.

Hoạt động nuôi đã góp phần khai thác hiệu quả diện tích mặt nước tự nhiên, tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện sinh kế cho người dân. Tuy nhiên, việc phát triển tự phát cũng tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến dòng chảy, giao thông đường thủy, công trình thủy lợi, môi trường sinh thái và gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước nếu không được tổ chức, quản lý phù hợp.

Do đó, việc quản lý hoạt động nuôi thủy sản ven sông, ven biển cần được tiếp tục rà soát, đánh giá và thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù

hợp với điều kiện tự nhiên, môi trường, hiện trạng sử dụng mặt nước và các quy hoạch có liên quan.

2. Khu vực do UBND cấp xã đề xuất phát triển nuôi thủy sản ven sông, ven biển

Theo báo cáo và đề xuất của Ủy ban nhân dân các xã, phường, hiện có 12 địa phương đề xuất các khu vực phát triển nuôi thủy sản trên các tuyến sông, kênh, rạch, cửa biển và vùng ven biển. Tổng cộng có khoảng 97 tuyến sông, kênh, rạch được đề xuất bố trí phát triển nuôi, với quy mô dự kiến khoảng 846 hộ tham gia sản xuất (*chi tiết tại Phụ lục II*).

Các khu vực do địa phương đề xuất tập trung chủ yếu trên các tuyến sông như Cửa Lớn, Bảy Háp, Rạch Gốc, Ông Trang, Ông Đốc, Bà Kẹo và nhiều tuyến kênh, rạch khác; đồng thời có một số khu vực bãi bồi ven biển thuộc các xã Đá Bạc, Khánh Lâm và một số địa phương khác. Đối tượng nuôi được đề xuất chủ yếu là hàu, sò huyết, vẹm xanh và một số loài thủy sản có giá trị kinh tế như cá bớp, cá mú, cá dứa, phù hợp với điều kiện sản xuất của từng địa phương.

Theo đánh giá của các địa phương, các khu vực được đề xuất có điều kiện tương đối thuận lợi về nguồn nước, độ mặn, chế độ thủy triều, dòng chảy và nguồn thức ăn tự nhiên; nhiều khu vực đã hình thành hoạt động nuôi trong thực tế và bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

Tuy nhiên, các khu vực nêu trên mới là đề xuất của UBND các xã, phường trên cơ sở nhu cầu phát triển sản xuất và điều kiện thực tế của địa phương; chưa phải là các khu vực được cấp có thẩm quyền chấp thuận hoặc đưa vào quy hoạch, phương án sử dụng mặt nước để nuôi trồng thủy sản.

Việc xem xét các khu vực này cần tiếp tục được khảo sát, đánh giá đầy đủ về hiện trạng sử dụng mặt nước, điều kiện thủy văn, sức chịu tải môi trường, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, an toàn giao thông đường thủy, quốc phòng, an ninh và sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

3. Một số nhận xét về điều kiện tự nhiên và khả năng phát triển

Tỉnh Cà Mau có hệ thống sông, kênh, rạch dày đặc, bờ biển dài, nhiều cửa sông, bãi bồi và vùng nước mặn, lợ, tạo điều kiện thuận lợi cho một số đối tượng nuôi thủy sản như hàu, sò huyết, vẹm xanh và một số loài thủy sản có giá trị kinh tế.

Thực tế tại một số địa phương cho thấy hoạt động nuôi bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện sinh kế cho người dân. Đây là cơ sở để tiếp tục nghiên cứu, đánh giá các điều kiện tự nhiên, môi trường và hiện trạng sử dụng mặt nước nhằm phục vụ công tác quản lý, đồng thời làm cơ sở tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét các giải pháp quản lý, tổ chức nuôi thủy sản ven sông, ven biển phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

II. KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỦA CÁC SỞ, NGÀNH VÀ ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Sau khi tổng hợp báo cáo của các xã, phường và hoàn thiện dự thảo Báo cáo, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Công văn số 6632/SNNMT-CCTS ngày 22/6/2026 lấy ý kiến các sở, ngành, đơn vị có liên quan về định hướng quản lý, phát triển nuôi thủy sản ven sông, ven biển trên địa bàn tỉnh.

Qua tổng hợp, các sở, ngành cơ bản thống nhất với sự cần thiết tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ sở quản lý hoạt động nuôi thủy sản ven sông, ven biển trên địa bàn tỉnh; đồng thời đề nghị việc tổ chức phát triển hoặc triển khai thí điểm phải được rà soát, đánh giá kỹ về điều kiện pháp lý, sự phù hợp với quy hoạch, hiện trạng sử dụng mặt nước, bảo đảm an toàn giao thông đường thủy, bảo vệ môi trường, hạ tầng kỹ thuật và các quy định chuyên ngành có liên quan. Ý kiến đóng góp cụ thể như sau:

1. Ý kiến Sở Xây dựng

Không được đặt ngư cụ cố định trong phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa theo điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024.

Trong phạm vi hành lang đường thủy nội địa không được xây dựng nhà, các công trình khác, khai thác tài nguyên khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; không đặt ngư cụ cố định trong phạm vi hành lang đường thủy nội địa theo Điều số 29 Thông tư 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ Xây dựng.

Dự án đầu tư khu vực nuôi trồng thủy sản có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa phải được thỏa thuận về vị trí, phạm vi hoạt động với Sở Xây dựng theo khoản 1 Điều 36 và điểm e khoản 2 Điều 37 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP.

Hồ sơ đề nghị thỏa thuận thực hiện theo khoản 4 Điều 38 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP, gồm: Đơn đề nghị (*Mẫu số 24*), bản vẽ phạm vi khu vực hoạt động và phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy, bản vẽ mặt cắt ngang và hồ sơ mốc xác định phạm vi hoạt động.

2. Ý kiến Sở Công Thương

Sở Công Thương đề nghị cơ quan chủ trì rà soát, đối chiếu với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành có liên quan.

Qua rà soát, Sở Công Thương nhận thấy một số khu vực ven sông, ven biển được UBND các xã đề xuất định hướng phát triển nuôi thủy sản có liên quan đến không gian phát triển các công trình nguồn điện, lưới điện và hạ tầng kỹ thuật điện. Do đó, việc xem xét phát triển nuôi thủy sản tại các khu vực này cần bảo đảm không chồng lấn, không ảnh hưởng đến việc triển khai các dự án điện theo quy hoạch và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đề nghị rà soát, đối chiếu với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh.

Sở Công Thương nhận thấy một số khu vực ven sông, ven biển được UBND các xã đề xuất định hướng phát triển nuôi thủy sản có liên quan đến không gian phát triển các công trình nguồn điện, lưới điện và hạ tầng kỹ thuật điện. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì tiếp tục rà soát, đối chiếu để bảo đảm sự phù hợp, đồng bộ với các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực có liên quan.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Qua rà soát cho thấy, hoạt động nuôi thủy sản ven sông, ven biển trên địa bàn tỉnh là nhu cầu thực tế của người dân, đã hình thành tại nhiều địa phương và bước đầu mang lại hiệu quả về kinh tế - xã hội, góp phần khai thác hiệu quả diện tích mặt nước tự nhiên, tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện sinh kế cho người dân.

Tuy nhiên, phần lớn các khu vực nuôi hiện nay được hình thành tự phát, chưa được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc cho thuê khu vực mặt nước; chưa được xác định trong quy hoạch hoặc phương án sử dụng mặt nước theo quy định. Nếu không có giải pháp quản lý thống nhất sẽ tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến giao thông đường thủy, công trình thủy lợi, môi trường, nguồn lợi thủy sản, quốc phòng, an ninh và gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước.

Qua tổng hợp ý kiến của các sở, ngành và đơn vị có liên quan cho thấy, các đơn vị đều thống nhất với sự cần thiết nghiên cứu, định hướng quản lý và phát triển hoạt động nuôi thủy sản ven sông, ven biển trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, việc triển khai cần được thực hiện theo lộ trình, trên cơ sở rà soát, đánh giá đầy đủ điều kiện tự nhiên, hiện trạng sử dụng mặt nước, sức chịu tải môi trường, sự phù hợp với các quy hoạch và các quy định của pháp luật, đồng thời bảo đảm không ảnh hưởng đến giao thông đường thủy, công trình hạ tầng kỹ thuật, quốc phòng, an ninh, môi trường và các ngành, lĩnh vực có liên quan.

Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận thấy việc phát triển nuôi thủy sản ven sông, ven biển là phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; tuy nhiên cần thực hiện theo nguyên tắc phát triển có kiểm soát. Việc xem xét các khu vực nuôi hiện có và phát triển mới phải được thực hiện trên cơ sở rà soát, đánh giá đầy đủ, đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các mục đích sử dụng mặt nước hợp pháp khác.

Do đó, việc xây dựng cơ chế quản lý thống nhất và tổ chức thí điểm tại một số khu vực đủ điều kiện là cần thiết nhằm đánh giá hiệu quả, hoàn thiện cơ sở quản lý, làm căn cứ xem xét nhân rộng và từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý

nhà nước đối với hoạt động nuôi thủy sản ven sông, ven biển trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tăng cường công tác quản lý nhà nước, khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước và phát triển nuôi thủy sản ven sông, ven biển theo hướng bền vững, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo:

1. Thống nhất chủ trương

Thống nhất chủ trương quản lý hoạt động nuôi thủy sản ven sông, ven biển theo hướng phát triển có kiểm soát; việc xem xét phát triển hoạt động nuôi chỉ được thực hiện sau khi rà soát, đánh giá đầy đủ điều kiện tự nhiên, hiện trạng sử dụng mặt nước, sự phù hợp với quy hoạch và đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với hoạt động nuôi thủy sản ven biển

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 328/KH-UBND ngày 08/6/2026 của UBND tỉnh; giao UBND các xã, phường ven biển tăng cường quản lý hiện trạng, không để phát sinh khu vực nuôi mới trái quy định; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, đơn vị liên quan khảo sát, rà soát các khu vực có tiềm năng để đề xuất phát triển nuôi biển phù hợp với quy hoạch, bảo đảm yêu cầu về môi trường, quốc phòng, an ninh, giao thông đường thủy và các mục đích sử dụng mặt nước hợp pháp khác.

3. Đối với hoạt động nuôi thủy sản ven sông

Chấp thuận chủ trương lựa chọn một số khu vực có đủ điều kiện để tổ chức thí điểm nuôi thủy sản ven sông nhằm đánh giá hiệu quả, hoàn thiện cơ chế quản lý trước khi xem xét nhân rộng.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các xã, phường liên quan khảo sát, xác định vị trí, ranh giới, tọa độ khu vực dự kiến thí điểm; đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng sử dụng mặt nước, sức chịu tải môi trường, sự phù hợp với quy hoạch và các quy định pháp luật; xây dựng phương án thí điểm trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Việc thí điểm chỉ được triển khai sau khi được UBND tỉnh chấp thuận và phải bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Thủy sản năm 2017, Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 41/2026/NĐ-CP, Thông tư số 21/2026/TT-BXD và các quy định pháp luật có liên quan; không ảnh hưởng đến giao thông đường thủy, công trình thủy lợi, khả năng tiêu thoát nước, hạ tầng kỹ thuật, môi trường, quốc phòng, an ninh và các mục đích sử dụng mặt nước hợp pháp khác.

Sau khi kết thúc giai đoạn thí điểm, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; trên cơ sở đó tham mưu UBND tỉnh xem xét quyết định đối với các khu vực đủ điều kiện, đồng thời nghiên cứu, đề xuất cơ chế quản lý, giao hoặc cho thuê khu vực mặt nước và các giải pháp quản lý đồng bộ theo quy định của pháp luật.

4. Giao UBND các xã, phường

Tăng cường quản lý hiện trạng; không để phát sinh khu vực nuôi mới trái quy định; tuyên truyền, hướng dẫn người dân chấp hành các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn trong quá trình triển khai các nội dung nêu trên.

(Kèm theo các báo cáo rà soát của các xã, phường và ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan)

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Khoa học và Công nghệ (p/h);
- Công an tỉnh (p/h);
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (p/h);
- UBND các xã, phường (biết, thực hiện);
- Các chi cục trực thuộc Sở (thực hiện);
- Lưu: VT, CCTS_(An).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Mười



Phụ lục 1
HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG NỘI THUY SẢN VEN SÔNG VEN BIỂN
(Kèm theo Báo cáo số 1122 /BC-SNNMT ngày 14 /6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Địa phương	Số hộ	Đối tượng nuôi	Tuyến sông/kênh chính bố trí nuôi	Số tuyến sông/kênh	Chiều rộng lòng sông/kênh (m)	Độ sâu (m)	Phần mặt nước còn lại phục vụ giao thông, thoát nước (m)	Diện tích mặt nước sử dụng (m ²)
1	Xã Phan Ngọc Hiển	36	Hầu	Sông Cửa Lớn; Sông Rạch Gốc; Sông Dinh Hạng; Sông Hóc Năng; Sông Ông Định; Sông Đường Kéo; Kênh Hồ (Kênh 5); Sông Biên Nhạn; Kênh Ba; Kênh Một	12	40 - 512	8 - 15	20 - 506	149.608
2	Xã Năm Căn	9	Hầu	Kênh Năm Cù; Rạch Ông Tỉnh; Rạch Ông Do	3	20 - 70	2.5 - 12	11 - 29	1.780
3	Xã Đất Mũi	5	Sò huyết, hầu	Kênh Vĩnh Nước Sỏi; Kênh Ông Trang; Kênh Ông Linh; Tuyến Ba Đình - Cửa Khai Long; Kênh Cụt	5	50 - 120	1-7	39 - 100	5.700
4	Xã Quách Phẩm	214	Sò huyết, hầu	Kinh Giữa; Kinh Chuối; Kinh Chè; Kinh Số 3; Kinh Cạn; Kinh Lung Lá; Kinh Nhà Cũ; Kênh Ngã Oác; Kênh Hàng Gòn; Lung Chà Là; Kênh Mười Hội; Kênh Lung Trường; Kênh Chính Phủ; Kênh Lung Cá rô; Kênh Cà Giữa; Sông Bà Hính; Sông Bảy Háp....	44	10 - 100	2.5 - 4	3 - 50	136.600
5	Xã Tạ An Khương	218	Sò huyết	Lô 14, Mương Điều, Lung Sinh, Kênh Đứng, Kênh 30/4, Lung Dừa, Lung Sậy, Lô 13, Kênh Năm, Kênh Bảy Quán,	24	15 - 50	Chưa thống kê	8 - 33	85.973

				Sông Sáu Đông, Sông Lô 13, Kênh Giữa, Kênh Thô, Sông Cả Bát, Sông Tân Lợi, Sông Hang Mai và Sông Ba Quyên.					
6	Xã Tân Ân	21	Hầu	Rạch Ông Nở, Sông Cả Chôn Lớn, Kênh Ông Định, Kênh Hàng Khâu, Kênh Cụt, Đầu Vàm sông Ông Quyền, Sông Thủ, Sông Cửa Lớn, Sông Bào Công, Tuyến Sông Đường Kéo và Tuyến Sông Hào Thuật.	11	100	4	30	7.250
7	Xã Phú Mỹ	39	Nhuễn thể, sò huyết	Kênh Xáng Thọ Mai, Kênh Xáng Cầu Sắt, Cái Nước - Vàm Đình, Lung Chim, Kênh ngang, Lung Môn	6	30 - 800	3 - 5	Chưa đủ số liệu	720.000
8	Xã Tân Tiến	13	Sò huyết	Sông Chùm Lựu, Sông Bông Súng, Sông Vinh Hạng, Sông Kèo Neo và Sông Ông Búp..	7	35 - 60	4 - 5	15 - 35	6.025
9	Xã Cái Nước	71	Sò huyết, hầu	Sông Bảy Háp; Sông Nhà Vi - Bào Trầu; Kênh Cái Muối; Kênh Cái Còng; Kênh Cái Nước - Vàm Đình; Kênh Lộ Tân Duyệt; Kênh Long 5; Kênh VĐCN; Kênh Xáng Đông Hưng; Kênh Bàng Đá; Kênh Xóm Lung; Kênh Hai; Kênh Đông Mỹ; Kênh Lung Sinh; Kênh Nhỏ; Kênh Họa Đờ; Kênh Cù; Kênh đào; Kênh Lớn....	20	15 - 300	1 - 3	8 - 265	33.015
10	Xã Thanh Tùng	37	Sò huyết, hầu	Kinh Mẫu Điền Tây, Kinh Xóm Miên Hậu, Kinh Ba, Kinh Vườn Tre, Kinh Lung Chim, Kinh Nông Trường, Kinh Xóm	10	20 - 40	2 - 5	20 - 30	15.985

				Miên, Kinh Xóm Hậu, Mỏ Điền Tây và Xóm Dừa.					
11	Xã Đất Mới	6	Sò huyết, hầu	Sông Cửa Lớn; Sông Bảy Háp	2	120 - 453	5 - 12	93 - 363	191.140
12	Xã Đá Bạc	12	Cá lòng bè	Khu vực biển quanh Hòn Đá Bạc	Khu vực Hòn Đá Bạc	20 - 40	Khoảng 2.5	Khu vực biển	300
13	Xã Tân Thuận	240	Sò huyết	Kênh Bồn Bồn; Đồng Nổi; Kênh Cù; Kênh Sáu; Kênh Chổng Mỹ; Chim Đẽ; Ông Rum; Sông Tân Bình; Kênh Sáu Đông; Kênh Đê; Mỏ Côi; Sông Tân Phước; Kênh Mới; Sông Tân Đức A; Sông Lung Vàng; Sông Tân Lợi; Sông Sáu Đông; Kênh Ông Công; Sông Trệt; Sông Bào Bà; Kênh Ba; Kênh Lung Vàng; So Dũa; Kinh Đồng Trên; Xóm Lá; Kinh Sáng Sáu Đông; Kênh Ngây; Kênh Tân Phước; Kênh Lâm Dò	31	15 - 35	2 - 3	9	110.480
	Tổng	921			175				1.463.856



ĐỀ XUẤT KHU VỰC NUÔI THỦY SẢN VEN SÔNG, VEN BIỂN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 1122 /BC-SNNMT ngày 14/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Địa phương	Khu vực/tuyến sông đề xuất	Đối tượng nuôi	Quy mô đề xuất
1	Xã Phan Ngọc Hiển	12 tuyến sông	Hàu	Tổng chiều dài khoảng 27,9 km, dự kiến 37 hộ tham gia
2	Xã Đất Mới	Sông Cửa Lớn, sông Trại Lưới và sông Bảy Háp (03 khu vực)	Hàu, Sò huyết	Tổng chiều dài khoảng 41 km
3	Xã Đất Mũi	Sông Ông Trang, Sắc Cò, Kinh Năm, Khai Long - Xẻo Mắm và Cồn Mũi (05 khu vực)	Hàu, Sò huyết	Dự kiến khoảng 70 hộ tham gia
4	Xã Đá Bạc	Áp Thời Hưng, Kinh Hòn, Kinh Hòn Bắc và Mũi Tràm B (04 khu vực ven biển)	Sò huyết, vẹm xanh	Hình thức đăng quang, dự kiến khoảng 35 hộ tham gia
5	Xã Khánh Lâm	Áp 1, 3, 6 và 8 (04 khu vực ven biển)	Hàu, vẹm xanh	Đăng quang, bè nổi, giàn treo; dự kiến khoảng 80 hộ tham gia
6	Xã Quách Phẩm	Kênh Ngã Oác, Hàng Gòn - Lung Chà Là và Kênh Mới (03 khu vực)	Sò huyết	Dự kiến khoảng 142 hộ tham gia
7	Xã Tạ An Khương	22 tuyến sông, kênh (08 tuyến cấp tỉnh quản lý, 14 tuyến cấp xã quản lý)	Hàu, Sò huyết	Dự kiến khoảng 187 hộ tham gia
8	Xã Tân Ân	23 tuyến sông, kênh	Hàu, Sò huyết	Lồng bè, dây treo, vèo nuôi; dự kiến khoảng 145 hộ tham gia
9	Xã Trần Văn Thới	Sông Bà Kẹo và sông Ông Đốc (06 khu vực)	Cá dứa, cá mú, sò huyết, vẹm xanh và nhuyễn thể hai mảnh	Đề xuất phát triển vùng nuôi tập trung
10	Xã Vĩnh Hậu	Kênh 12, Kênh 130 và Kênh Chùa Phật (03 khu vực)	Hàu, Sò huyết	Đề xuất phát triển vùng nuôi ven sông
11	Xã Cái Nước	Kinh Lớn, Kênh Nhỏ, Kênh Lung Sinh, Kênh Lộ Tân Duyệt, Sông Bảy Háp, Kênh Cái Nước - Vàm Đình, Kênh Bàng Đá và Kênh Họa Đồ (07 khu vực)	Hàu, Sò huyết	Dự kiến khoảng 100 hộ tham gia

12	Xã Phú Tân	Kênh Lô 1, kênh Lô 2, khu vực ven cửa sông Mỹ Bình, kênh Công nghiệp và khu vực ven cửa sông Cống Cái Cấm (05 khu vực).	Hầu, Sò huyết	Dự kiến khoảng 50 hộ tham gia
	Tổng	97 khu vực		846 hộ



THỜI GIAN NHẬN BÁO CÁO CÁC XÃ PHƯỜNG

(Kèm theo Báo cáo số 1122 /BC-SNNMT ngày 14 /6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Địa phương	Số báo cáo/ Ngày báo cáo
1	Xã Phan Ngọc Hiền	Số 354/BC-UBND ngày 05/6/2026
2	Xã Đất Mới	Số 333/BC-UBND ngày 10/6/2026
3	Xã Đất Mũi	Số 296/BC-UBND ngày 12/6/2026
4	Xã Đá Bạc	Số 455/BC-UBND ngày 05/6/2026
5	Xã Khánh Lâm	Số 562/BC-UBND ngày 11/6/2026
6	Xã Quách Phẩm	Số 336/BC-UBND ngày 12/6/2026
7	Xã Tạ An Khương	Số 845/BC-UBND ngày 17/6/2026
8	Xã Tân Ân	Số 345/BC-UBND ngày 08/6/2026
9	Xã Trần Văn Thời	Số 477/BC-UBND ngày 09/6/2026
10	Xã Vĩnh Hậu	Số 888/UBND-PKT ngày 08/6/2026
11	Xã Cái Nước	Số 493/BC-UBND ngày 17/6/2026
12	Xã Phú Mỹ	Số 662/BC-UBND ngày 17/6/2026
13	Xã Tân Tiến	Số 516/BC-UBND ngày 16/6/2026
14	Phường Bạc Liêu	Số 295/BC-UBND ngày 12/6/2026
15	Xã Thanh Tùng	Số 770/BC-UBND ngày 10/6/2026
16	Phường Giá Rai	Số 1253/BC-UBND ngày 08/6/2026
17	Xã Cái Đôi Vàm	Số 543/BC-UBND ngày 05/6/2026
18	Xã Định Thành	Số 285/BC-UBND ngày 05/6/2026
19	Xã Năm Căn	Số 136/BC-PKT ngày 05/6/2026
20	Xã Tân Thuận	Số 818/BC-UBND ngày 19/6/2026

Phụ lục IV
CÁC VĂN BẢN GÓP Ý, Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ, NỘI DUNG GÓP Ý, TIẾP THU GIẢI TRÌNH
(Kèm theo Báo cáo số 1122 /BC-SNNMT ngày 14/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Đơn vị	Văn bản góp ý	Nội dung góp ý chính	Tiếp thu, giải trình
1	Sở Tài chính	Số 6823/STC-KT ngày 26/6/2026	Thông nhất với dự thảo Báo cáo.	Không có nội dung cần chỉnh sửa.
2	Sở Khoa học và Công nghệ	Số 3206/SKHCHN-QLKH ngày 26/6/2026	Thông nhất với dự thảo Báo cáo.	Không có nội dung cần chỉnh sửa.
3	Chi cục Thủy lợi	Số 584/TL-QLCT ngày 24/6/2026	Thông nhất với dự thảo Báo cáo.	Không có nội dung cần chỉnh sửa.
4	Sở Công Thương	Số 2432/SCT-NL ngày 25/6/2026	Đề nghị rà soát sự phù hợp của các khu vực đề xuất với quy hoạch, kế hoạch phát triển điện lực và hạ tầng kỹ thuật điện.	Đã tiếp thu, bổ sung nội dung rà soát, đối chiếu với quy hoạch điện lực và các quy hoạch ngành có liên quan.
5	Sở Xây dựng	Số 5105/SXD-KCHT ngày 26/6/2026	Đề nghị bảo đảm an toàn giao thông đường thủy; không bố trí ngư cụ trong luồng, hành lang bảo vệ luồng; thực hiện thỏa thuận vị trí khu vực nuôi theo quy định.	Đã tiếp thu, bổ sung nội dung về bảo đảm giao thông đường thủy và thực hiện thủ tục theo quy định khi triển khai.
6	Chi cục Biển, Hải đảo và Kiểm ngư	Số 398/CCBHĐKN-QLBHĐ ngày 25/6/2026	Đề nghị xác định vị trí, tọa độ, ranh giới từng khu vực; rà soát sự phù hợp với quy hoạch không gian biển, khu bảo tồn biển; đánh giá tác động đến nguồn lợi thủy sản.	Đã tiếp thu, bổ sung nội dung tiếp tục khảo sát, xác định tọa độ, ranh giới và đối chiếu quy hoạch trước khi xem xét bố trí vùng nuôi.
7	Chi cục Quản lý đất đai	Số 418/QLĐĐ ngày 25/6/2026	Đề nghị rà soát số liệu; sử dụng đúng thuật ngữ "đất bãi bồi ven sông, ven biển"; bổ sung căn cứ Kế hoạch số 328/KH-UBND; hoàn thiện bố cục Báo cáo.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa số liệu, thuật ngữ, căn cứ pháp lý và hoàn thiện bố cục Báo cáo.

8	Chi cục Bảo vệ môi trường	Số 571/BVMT-TĐ&KSON ngày 26/6/2026	Đề nghị đánh giá sức chịu tải môi trường; kiểm soát chất thải, rác thải nhựa; bảo vệ hệ sinh thái; tăng cường quan trắc môi trường, phòng chống dịch bệnh; rà soát đối tượng phải đánh giá tác động môi trường.	Đã tiếp thu, bổ sung các nội dung về bảo vệ môi trường, sức chịu tải, quan trắc, phòng chống dịch bệnh; việc đánh giá tác động môi trường sẽ thực hiện theo quy định đối với từng dự án cụ thể.
9	UBND xã Phú Tân	Số 710/BC-UBND ngày 26/6/2026	Đề nghị bổ sung khu vực nuôi sò huyết, hào tại kênh Lô 1, Lô 2, cửa sông Mỹ Bình, kênh Công nghiệp, cửa sông Cống Cái Cắm (khoảng 50 hộ, 20 ha).	Đã tiếp thu, cập nhật vào danh mục các khu vực do UBND cấp xã đề xuất phát triển.
10	Công an tỉnh	Chưa nhận được văn bản	Chưa có ý kiến.	-
11	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Chưa nhận được văn bản	Chưa có ý kiến.	-
12	Chi cục Kiểm lâm	Chưa nhận được văn bản	Chưa có ý kiến.	-